

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG TIẾN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TRƯỜNG TIẾN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0107249423

3. Ngày thành lập: 14/12/2015

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà 16b, ngõ 5 phố Ao Sen, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0433511199

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu (trừ loại Nhà nước cấm)	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
20.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
21.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
22.	Chăn nuôi dê, cừu	0144

23.	Chăn nuôi lợn	0145
24.	Chăn nuôi gia cầm	0146
25.	Chăn nuôi khác	0149
26.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
31.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
32.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
33.	Khai thác gỗ (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	0221
34.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	0222
35.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
36.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	0240
37.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
38.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
39.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4719
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
46.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
49.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
50.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5629
51.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5630

52.	Xây dựng nhà các loại	4100
53.	Phá dỡ	4311
54.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
55.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
56.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
57.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
58.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
60.	Bán buôn gạo	4631
61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
64.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ loại Nhà nước cấm)	4649
66.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
67.	Hoạt động cấp tín dụng khác Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ;	6492
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ hoạt động Nhà nước cấm)	6820
70.	Cho thuê xe có động cơ	7710
71.	Cung ứng lao động tạm thời (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	7820
72.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động (khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép)	7830
73.	Đại lý du lịch	7911
74.	Điều hành tua du lịch	7912
75.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920(Chính)
76.	(Đối với ngành nghề có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ(%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BÙI NGỌC TIẾN	Số 16 B, Ngõ 5, phố Ao Sen, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	14.000.000.000	70,00	036083000231	
2	ĐOÀN QUỐC TRƯỜNG	Cụm 1, Xã Thọ An, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.000.000.000	20,00	001084011284	
3	LÊ ĐỨC THÁI	Khu Cầu 19/5, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	2.000.000.000	10,00	131452576	

8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: ĐOÀN QUỐC TRƯỜNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 06/05/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001084011284

Ngày cấp: 21/10/2015

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Cụm 1, Xã Thọ An, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Cụm 1, Xã Thọ An, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội